

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-14 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						635 314	214 277	421 037			
I		CẢNG CHÍNH						104 058	45 644	58 414			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						23 100	23 074	26			
1		ĐẠM HÀ BẮC	11/9	562/9	21/9	QN 4330	CÁM 4A.1	1 700	1 691	9	13/9	HỘ LỚN	
2		KDT MIỀN BẮC	8/9	2272/9	18/9	VTA NEPTUNE	CÁM 5A.1	10 300	10 300		13/9	PTCB	
							CÁM 5B.1	9 900	9 899	1	13/9	PTCB	
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	7/9	2260/9	14/9	BN 0679	CỤC XỔ 1C	1 200	1 184	16	12/9	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						30 905	22 570	8 335			
1		ĐẠM NINH BÌNH	13/9	569/9	23/9	NB 8595	CÁM 4A.1	3 045	1 012	2 033	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	8/9	557/9		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 700	20 923	5 777	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3		CROMIT CÔNG THANH HÓA	8/9	2274/9	15/9	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 160	635	525	RÓT DỖ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						50 053		50 053			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		KDT HẢI PHÒNG	1/9	2203/8	11/9	HP 6863	CÁM 5A.1	2 300		2 300		PTCB	
3		XNK THAN	13/9	2338/9	23/9	VIỆT THUẬN 03-01	CÁM 5A.1	3 150		3 150		PTCB	
4		DVVT QUẢNG NINH	4/9	2234/9	11/9	BN 0959	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
5		MIKADO	4/9	2223/9	11/9	BN 2776	CÁM 4B.1	1 800		1 800		TD	GIA HẠN L1
6		TRƯỜNG ANH 888	4/9	2184/9	11/9	BN 2005	CÁM 4B.1	1 542		1 542		TD	GIA HẠN L1
7		VẬN TẢI THỦY	13/9	2144/8	20/9	BN 2706	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	GIA HẠN L3
8		ĐTTM & DỊCH VỤ	5/9	2251/9	12/9	BN 2688	CÁM 4B.1	1 951		1 951		TD	
9		DVVT QUẢNG NINH	5/9	2142/8	12/9	BN 1798	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L2
10		THAN SỐNG HỒNG	5/9	2247/8	12/9	BN 2112	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
11		DVVT QUẢNG NINH	5/9	2221/8	12/9	HN 2402	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
12		VẬN TẢI & KDT	6/9	2257/9	13/9	BN 2699	CÁM 4A.1	1 960		1 960		TD	
13		TRƯỜNG ANH 888	8/9	2275/9	15/9	BN 2615	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
14		VT & KDT	8/9	2279/9	15/9	BN 2668	CỤC XỔ 1C	1 050		1 050		TD	
15		VẬN TẢI THỦY	10/9	2296/9	17/9	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	
16		VẬN TẢI THỦY	13/9	2143/8	20/9	BN 2115	CÁM 4B.1	1 400		1 400		TD	GIA HẠN L3
		Tàu chuyển tải						223 990	117 515	106 475			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-14 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu đã làm hàng						99 990	99 538	452			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	3/9	548/9		QUANG VINH 188	CÁM 5B.14	19 600	19 540	60	11/9	HỘ LỚN	KDTCP: 19.539,79
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	3/9	550/9		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	23 191	109	11/9	HỘ LỚN	CLM: 19.904,14 KVDB: 3.287,31
3		ĐIỆN VĨNH TÂN	6/9	554/9		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690	27 407	283	13/9	HỘ LỚN	TTHG: 21.786,97 KVCP: 5.619,91
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	5/9	549B/9		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	29 400	29 400		12/9	HỘ LỚN	TTCO: 10.019 CLM: 10.229,64 KVCP: 5.094,57 KDTCP: 4.056,73 Thay TBRT Số 549/9
		Tàu dự kiến rút trong ngày						49 600	17 977	31 623			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	27/8	525B/8		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600	17 977	8 623	ĐỖ	HỘ LỚN	TTCO: 17.977 TTHG: 9.000 Thay TBRT 525/8
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	9/9	558/9		VIỆT THUẬN 235-05	CÁM 6A.14	23 000		23 000		HỘ LỚN	CLM: 8.000 TTHG: 15.000
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						74 400		74 400			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/8	517B/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.14	28 650		28 650		HỘ LỚN	KDTCP: 7.000 - CLM :10.000 - KVCP:11.2650 Thay TBRT Số 517/8
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	13/9	570/9		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.14	22 750		22 750		HỘ LỚN	KDTCP: 7.000 CLM: 15.750
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/9	567/9		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 3.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT						69 849	22 640	47 209			
		Tàu đã làm hàng						21 805	21 607	198			
1		KDT MIỀN BẮC	8/9	2278/9	18/9	BN 2728	CÁM 7C	2 585	2 581	4	11/9	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT CẦU ĐUÔNG	11/9	2299/9	21/9	BN 2668	CÁM 7C	1 230	1 216	14	11/9	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	12/9	2308/9	22/9	HD 1839	CÁM 7B	1 380	1 359	21	12/9	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
4		KDT HẢI PHÒNG	12/9	2317/9	22/9	HD 1256	CÁM 7C	1 300	1 297	3	13/9	PTCB	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-14 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
5		KDT BẮC TRUNG BỘ	12/9	2318/9	22/9	NB 8917	CẨM 7B	3 060	3 009	51	13/9	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
6		THAN MIỀN TRUNG	9/9	2109/8	16/9	VIỆT TRUNG 69	CẨM 8A	2 000	1 984	16	11/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 3
7		DVVT QUẢNG NINH	8/9	2277/9	15/9	BN 0965	CẨM 8A	1 350	1 340	10	11/9	TD	NGUỒN CS
8		XDCN MỎ	11/9	2118/8	18/9	HD 3028	CẨM 8A	2 879	2 857	22	12/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
9		THAN SỐNG HỒNG	11/9	2300/9	18/9	BN 0988	CẨM 8A	1 061	1 055	6	12/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2188/8
10		KDT HÀ BẮC	12/9	2314/9	19/9	BN 2738	CẨM 7B	1 660	1 647	13	12/9	TD	NGUỒN CS
11		XNK ANH KHOA	12/9	2091/8	19/9	HP 6563	CẨM 8A	2 200	2 175	25	13/9	TD	NGUỒN CS GIA HẠN L3
12		DVVT QUẢNG NINH	12/9	2316/9	19/9	QN 8824	CẨM 8A	1 100	1 089	11	13/9	TD	NGUỒN CS
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						5 130	1 033	4 097			
1		THAN MIỀN NAM	10/9	2297/9	17/9	TRẦN GIA 09	CẨM 8A	1 930	1 033	897	RÚT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6
2		DVVT QUẢNG NINH	11/9	2301/9	18/9	BN 2519	CỤC XỎ 1B	900		900		TD	NGUỒN TN
3		KDT BẮC TRUNG BỘ	12/9	2182/8	19/9	NB 6489	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
4		SX & TM THAN UÔNG BÍ	11/9	2305/9	18/9	BN 1883	CẨM 8A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2224/8
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						42 914		42 914			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	6/9	2256/9	16/9	NB 8305	CẨM 7B	3 100		3 100		PTCB	
2		XNK THAN	12/9	2306/9	22/9	HD 6299	CẨM 7B	2 316		2 316		PTCB	NGUỒN CS
3		KDT HÀ BẮC	13/9	2335/9	23/9	BN 2369	CẨM 7B	2 400		2 400		PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	13/9	2334/9	23/9	HD 2325	CẨM 7B	1 360		1 360		PTCB	
5		TRƯỜNG ANH 888	12/9	2116/8	19/9	AN VINH 68	CẨM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 3
6		DVVT QUẢNG NINH	11/9	2044/8	18/9	BN 2388	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 3
7		CP VẬN TẢI THỦY	11/9	2074/8	18/9	BN 2222	CẨM 8A	1 672		1 672		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 3
8		CP VẬN TẢI THỦY	12/9	2154/8	19/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L2
9		XDCN MỎ	13/9	2162/8	20/9	NB 8530	CẨM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L2
10		DVVT QUẢNG NINH	12/9	2191/8	19/9	BN 2189	CỤC XỎ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
11		VẬN TẢI THỦY	11/9	2195/8	18/9	BN 2840	CẨM 8A	1 800		1 800		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
12		XDCN MỎ	7/9	2264/9	14/9	QN 7535	CỤC ĐON 8C	1 150		1 150		TD	NGUỒN HL
13		THÁI SƠN HP	8/9	2276/9	15/9	HN 2187	CẨM 8A	1 170		1 170		TD	NGUỒN CS
14		CBT QUẢNG NINH	8/9	2269/9	15/9	QN 9459	CẨM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-14 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
15		XNK THAN	9/9	2283/9	16/9	BN 0757	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
16		THAN SÔNG HỒNG	10/9	2172/8	17/9	QN 8547	CẨM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
17		THÁI SƠN HP	10/9	2295/9	17/9	QN 7618	CỤC ĐON 8C	1 200		1 200		TD	NGUỒN HL
18		VT & KDT	11/9	2304/9	18/9	BN 1816	CỤC XỔ 1C	1 050		1 050		TD	Thay TBRT 2279/9
19		DVVT QUẢNG NINH	11/9	2303/9	18/9	BN 0959	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
20		THÁI SƠN HP	11/9	2302/9	18/9	HP 7266	CẨM 8A	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
21		THAN MIỀN TRUNG	12/9	2313/9	19/9	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980		1 980		TD	NGUỒN ĐN-C6
22		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	12/9	2315/9	19/9	NB 8595	CẨM 8A	3 040		3 040		TD	NGUỒN CS
23		KDT BẮC TRUNG BỘ	12/9	2312/9	19/9	NB 2952	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
24		THAN SÔNG HỒNG	12/9	2311/9	19/9	BN 1626	CẨM 8A	917		917		TD	NGUỒN ĐN-C6
25		ĐTTM & DỊCH VỤ	12/9	2310/9	19/9	HD 2225	CẨM 8A	1 040		1 040		TD	NGUỒN ĐN-C6
26		XNK ANH KHOA	12/9	2320/9	19/9	BN 3046	CẨM 8A	1 803		1 803		TD	NGUỒN CS
27		TRƯỜNG ANH 888	12/9	2319/9	19/9	HP 4086	CẨM 8A	1 989		1 989		TD	NGUỒN CS
III	<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>							<u>10 626</u>	<u>5 877</u>	<u>4 749</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>5 886</i>	<i>5 877</i>	<i>9</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	11/9	564/9	21/9	TĐ 45-3	CẨM 5A.10	3 572	3 570	2	13/9	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	11/9	565/9	21/9	TB 1716	CẨM 5A.10	2 314	2 306	8	13/9	HỘ LỚN	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>												
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							<i>4 740</i>		<i>4 740</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	12/9	566/9	22/9	TĐ 01-1	CẨM 5A.10	2 360		2 360		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	13/9	568/9	23/9	TĐ 01-CHN	CẨM 5A.10	2 380		2 380		HỘ LỚN	
IV	<u>KHO CẢNG KM6</u>							<u>29 921</u>	<u>22 602</u>	<u>7 319</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>21 571</i>	<i>20 911</i>	<i>660</i>			
1		CROMIT CB THANH HÓA	10/9	2293/9	20/9	TẤN PHÚC 01	CẨM 6A.1	3 250	3 213	37	11/9	PTCB	
2		XNK THAN	11/9	2298/9	21/9	HOÀNG ANH 888	CẨM 5B.1	4 830	4 404	426	11/9	PTCB	
3		XNK THAN	12/9	2307/9	22/9	VIỆT THUẬN 03-03	CẨM 5B.1	3 271	3 196	75	11/9	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	12/9	2309/9	22/9	PHƯƠNG BÁCH 36	CẨM 6A.1	4 300	4 294	6	13/9	PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-14 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
5		CROMIT CỎ THANH HÓA	13/9	2336/9	22/9	MẶT TRỜI VIỆT 26	CÁM 6A.1	2 550	2 482	68	13/9	PTCB	
6		XNK THAN	9/9	2284/9	16/9	QN 4438	CỤC ĐON 8A	1 100	1 074	26	11/9	TD	NGUỒN QH
7		SX & TM THAN UỐNG BỈ	11/9	2246/9	18/9	BN 2196	CỤC XỎ 1B	1 200	1 188	12	12/9	TD	NGUỒN QH GIA HẠN L1
8		VẬN TẢI THỦY	10/9	2294/9	17/9	HP 6739	BÙN TUYẾN 3C	1 070	1 061	9	12/9	TD	
	Tàu dự kiến rút trong ngày							6 150	1 691	4 459			
1		KDT MIỀN BẮC	13/9	2321/9	23/9	HOÀNG ANH 268	CÁM 6A.1	3 750	1 691	2 059	RÓT DỖ	PTCB	
2		THÁI SƠN HP	10/9	2292/9	17/9	HP 7227	BÙN TUYẾN 3C	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH
3		XNK ANH KHOA	9/9	2288/9	16/9	PT 2698	CỤC XỎ 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH
	Tàu đã làm lệnh							2 200		2 200			
1		ĐTTM & DỊCH VỤ	4/9	2192/9	11/9	BN 2009	CỤC XỎ 1B	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	4/9	1941/7	11/9	BN 2808	CỤC XỎ 1B	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L4
V	TÀU XUẤT KHẨU							166 700	-	166 700			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rút trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							166 700		166 700			
1		THÁI LAN	28/8	6104		MV HOANG PHONG LUCKY	CÁM 1	3 000		3 000			TTCO: 3.000
							CỤC 4B.3	2 700		2 700			KVĐB: 2.700
2		SINGAPORE	8/9	6310		MV LI HANG 5	CỤC 5A.1	33 000		33 000			KVCP: 33.000
3		NHẬT BẢN	8/9	6316		MV PACIFIC ESPERANZA	CỤC 5A.1	20 000		20 000			KVCP: 20.000
4		INDONESIA	8/9	6309		MV FU XING LUN	CỤC 5B.2 (1,1)	20 000		20 000			KVĐB: 33.000
							CỤC 5B.2 (1,4)	13 000		13 000			
5		NHẬT BẢN	8/9	6315		MV HOSEI OVATION	CÁM 3B.1	20 000		20 000			KVCP: 10.000 TTHG: 10.000
6		SINGAPORE	9/9	6331		MV LMZ PHOEBE	CỤC 4B.3	50 000		50 000			KVĐB: 50.000
7		THÁI LAN	9/9	6336		MV MINH ANH 09	CỤC 4B.3	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
VI	TÀU NHẬP KHẨU			ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				30 170	-	30 170			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rút trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							30 170		30 170			
1		ÚC	10/9	6384		MV THEMIS PETRAKIS	Than nhiệt xuất xứ từ Úc	24 170		24 170			TTCO: 14.170 KVCP: 10.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 12-14 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		LÀO	10/9	6383		VIỆT THUẬN 235-06	Than Anthracite Lào	6 000		6 000			TTCO: 6.000

